

NHỮNG ĐƠN THUỐC TỰ KẾ

(Ký ức sau ngày 30/4/75)

Khoảng hơn một tuần trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi đang ở nhiệm sở tại tỉnh Phước Tuy, Bà Rịa thì anh bạn tôi - luật sư Nguyễn hữu Hiệu - xuống nhà vợ, ghé vào báo:

- Sài Gòn đang có nhiều biến chuyển lạ, tại sao cứ bình chân như vại ở đây vậy?

Thực ra lúc ấy, tôi cũng có theo dõi tình hình chiến sự thấy miền Nam cứ thu nhỏ dần lại, sau khi Ban mật Thuật thất thủ và lệnh di tản chiến thuật của người đứng đầu hành pháp. Thâm tâm tôi bối rối khi thấy nhiều bạn bè xuống Bà Rịa, Vũng Tàu tìm phương tiện di tản, nhưng tôi vẫn không tin rằng đất nước sẽ rơi vào tay Cộng sản.

Còn nghĩ đến việc di tản thì thật hoang mang, vì lúc ấy tôi chứng kiến nhiều đồng bào từ miền Trung chạy vào bằng đường biển, đổ lên cảng Vũng Tàu, trẻ con chết như rạ vì đói khát về những ngày phơi trần ngoài nắng. Tôi nghĩ đến đám con tôi năm đứa, gái đầu lòng lên 9, thằng cu út chưa đầy năm, lên đênh ngoài biển nhiều ngày chúng chịu sao thấu. Người lớn còn chết nữa là trẻ con. Thế là vợ chồng bàn nhau rồi đi đến quyết định, thôi cứ về Sài Gòn xem sao đã.

Thế là thu vén được ít quần áo, tư trang kéo về Sài Gòn ở nhờ nhà ông bà nhạc. Nhà ở khu Bàn Cờ, trong một ngõ hẻm chật chội, vợ chồng tôi và năm con trải chiếu xuống sàn mà ngủ.

Vài ngày sau thì quốc lộ Sài Gòn-Vũng Tàu bị cắt, coi như đồ đạc, tài sản bỏ lại hết ở Bà Rịa vì không quay về được nữa. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì Cộng quân từ tứ phía đổ vào Sài Gòn. Cổng trước dinh Độc

Lập bị xe tăng địch ủi sập để Cộng quân tiến vào. Lá cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nửa xanh nửa đỏ ngôi sao vàng ở giữa thay thế cho lá cờ Việt Nam Cộng Hòa nền vàng ba sọc đỏ. Miền Nam Việt Nam với nền Cộng Hòa bị khai tử. Cả ngày hôm đó tôi nằm nhà với tâm trạng hoang mang, lo lắng. Đám trẻ thì vẫn vô tư chẳng biết gì, chúng chỉ nghĩ như một chuyến về thăm ông bà ngoại như thường lệ.

Ngày hôm sau, vợ tôi tuy mang cùng tâm trạng hoang mang lo lắng như tôi, nhưng có vẻ bạo dạn hơn. Nàng chùi hết sơn móng tay, móng chân, không mang chiếc quần lạnh cũ của bà già cho mượn, đi đôi guốc mộc, đầu đội lúp xụp chiếc nón theo mấy bà trong xóm ra ngoài phố nghe ngóng. Máy tiếng đồng hồ sau, vợ tôi quay về báo: Tụi nó hết người hay sao mà thấy lính toàn là trẻ con, đứa nào đứa nấy mặt búng ra sữa!

Từ đấy, vợ tôi xông xáo ra ngoài xoay sở mua tích trữ sữa bột, sữa đặc cho đám nhỏ, nhất là thằng cu út còn đang bú bình. Đồng thời mua tích trữ mấy bao gạo cho cả nhà. Mọi thứ vợ tôi chạy vạy một mình. Riêng tôi nằm nhà hết ra lại vào, vừa trông đám trẻ vừa mở radio nghe ngóng tin tức. Thành phố đã thay tên. Đài phát thanh và đài truyền hình đã ra rả các bài hát cách mạng đang đăng sát khí.

Cuối tháng 5 thì có lệnh của Ủy ban Quân quản thành phố buộc quân cán chế độ cũ đi trình diện học tập. Chẳng biết đi học tập ở đâu, nhưng vợ tôi như đã có linh tính, trong bịch quần áo soạn cho tôi có nhét thêm chiếc áo bông cũ của bà nhạc

● LÊ THẾ HIỂN

tôi và một gói lớn thuốc tây, chủ yếu thuốc cảm cúm, thuốc chống tiêu chảy, nhất là mấy chai dầu gió. Nhờ chiếc áo bông này, tôi đã chống trôi được cái giá lạnh của những mùa đông khắc nghiệt ở miền Bắc, đến trâu cũng còn lăn ra chết.

Ở miền Nam được hơn 1 năm, qua các trại Long Thành, Thủ Đức thì tôi và các bạn đồng khóa được chuyển ra miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nơi mà đám cán bộ báo sẽ có điều kiện học tập tốt hơn cho chúng tôi. Thật ra là Cộng sản muốn cách ly chúng tôi với nhân dân miền Nam, để họ dễ dàng ổn định tình thế trong giai đoạn đầu chiếm đóng. Chúng tôi lúc ấy đủ mọi thành phần trong các ngành lập pháp, hành pháp, tư pháp cùng các cấp của ngành tinh báo, cảnh sát và đảng phái quốc gia. Di chuyển vào ban đêm, cứ hai người một, chúng tôi bị khóa liên tay bằng một chiếc còng số 8 nên mới có danh từ đồng khóa nói trên.

Ra đến miền Bắc thì chúng tôi bị phân tán, người đi trại Quảng Ninh, người đi trại Hà Tây, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình...

Tôi cùng hơn một ngàn bạn khác được đưa về trại Nam Hà. Trại nằm sâu trong một vùng đá vôi, còn có tên là trại Ba Sao, phân làm 3, 4 phân trại, mang tên A, B, C, D. Tôi ở phân trại A lớn nhất vì có bộ chỉ huy của trại trưởng nằm cách vòng ngoài trại khoảng 500 mét. Trại có tường đá cao, bao bọc nằm lưng chừng núi, từ dưới nhìn lên như một pháo đài ở Âu Châu thời Trung cổ. Trại phân làm hai khu đối diện nhau qua một cái sân lớn nền đất. Một khu dành cho tù hình sự và một

khu dành cho tù chính trị ở miền Nam ra. Trại nhìn xuống một thung lũng quanh năm mênh mông nước, rải rác nhấp nhô những ngọn núi độc nên chúng tôi gọi đùa là Vịnh Hạ Long nổi.

Chính ở cái vịnh với cảnh trí nên thơ này lại là địa ngục, nơi chúng tôi lặn ngụp từng ngày lao động dưới nắng cháy da và những đợt gió lạnh thấu xương của những ngày đông giá. Lao động hàng ngày được phân chia cho các đội, mỗi đội gồm 3 tiểu đội khoảng 10 đến 12 đội viên. Công việc là lên núi đập đá chở về xây thêm phòng ốc trong trại hoặc là phá rừng trồng sắn hoặc là đầu phụng. Công việc nặng nhất vẫn là các đội hàng ngày lặn ngụp dưới vịnh Hạ Long nổi cắt tranh lợp nhà, hoặc sắn đất đắp bờ làm ao thả cá, hoặc lập nên các bãi trồng rau.

Làm việc trong điều kiện khắc nghiệt tối đa, nhưng khẩu phần ăn lại rất tối thiểu. Cơm là bo bo để cả vỏ với nước muối. Trại không phát muối hột, vì sợ trại viên tích trữ để trốn trại. Hôm nào được tí rau muống luộc hoặc bắp cải hoặc xu hào muối với nước canh suông bong bong thì thật là lên tiên. Bo bo nhai không kỹ khi đi tiêu vẫn ra nguyên hột. Dinh dưỡng kém và thiếu chất tươi, nhiều bệnh tiềm ẩn bắt đầu trở ra. Nhiều anh ngấm mình lâu dưới nước hầm hập mùa hè, lạnh cắt da mùa đông, dạ dày lại trống rỗng, ngứa sủu ngay tại hiện trường, khiêng về bệnh xá mới nửa đường đã tắt thở.

Một anh bạn sáng nào cũng lấy một chiếc khăn dài làm bằng bao bố quấn quanh bụng nhờ tôi xiết chặt để chống đói. Cái đói còn cao lúc nào cũng thường trực hành hạ chúng tôi. Đói đến nỗi ban ngày làm mệt lử mà đêm không ngủ nổi vì cái dạ dày nó thôi thúc quá. Có hai thứ thêm khát kinh khủng lúc đó là đường và mỡ. Tôi thường nghĩ giá lúc này có một nôi ba mươi chề bà cốt

- ở ngoài Bắc chè này thường nấu bằng cơm nguội với mật - tôi ăn cũng hết. Về mùa đông đủ thứ quần áo chất lên người để chống lạnh, anh nào anh nấy to sù. Đến mùa hè ra suối làm vệ sinh tắm rửa chỉ còn thấy những bộ xương khô. Cơ thể đã vất kiệt các mỡ dự trữ ra xài, các bắp thịt cũng teo lại, nên người cơ rút thấp nhỏ hẳn đi. Anh bạn tôi vốn thấp người nhưng lúc trước khá mập. Ba năm sau vợ ra thăm không còn nhận ra, vì cứ tưởng thằng bé con nào chứ không phải chồng mình.

Vì đói quá nên mỗi lần xếp hàng đi lao động, chúng tôi cứ lữ khử đi như những bóng ma. Đám cán bộ thường la: Các anh có đi nhanh lên không. Sao cứ đi vật vờ như đàn ruợu vậy.

Trên bức tường trước cổng trại có kẻ một câu thơ màu đỏ chói, chắc là của đám cán bộ công an còn trẻ thuộc đoàn Thanh niên Cộng sản:

*Ở đâu cũng thấy yêu đời.
Làm gì cũng thấy sáng
ngời tương lai.*

Mỗi chiều đi lao động về, chúng tôi lại truyền miệng trong đội:

*Ở đâu cũng thấy chán đời.
Làm gì cũng thấy rã rời
chân tay.*

Tôi còn nghĩ, ở ngoài Bắc này, dân thì đói bụng nhưng no về các khẩu hiệu này. Nhan nhẩn chỗ nào cũng có khẩu hiệu.

Khoảng gần một năm sau, chúng tôi được phép viết thư về nhà xin quà thăm nuôi với điều kiện không được tiết lộ địa chỉ đang ở. Thế là ngày cũng như đêm chúng tôi chỉ bàn tán có mỗi một việc phải kê đơn thế nào để bà lang vườn ở nhà bóc

Đăng QUẢNG CÁO, HIẾU, HỈ trên tạp chí VNTP là cách tốt nhất để báo tin cho thân bằng quyến thuộc trên khắp thế giới và cả ở Việt Nam cùng biết.

cho những thang thuốc thật bổ đáp ứng được mấy tiêu chuẩn sau:

- Có chất béo.
- Có chất ngọt.
- Để lâu được không hư.

Thang thuốc của chúng tôi rất đa dạng và phong phú tùy theo những ước vọng các bệnh nhân. Anh nào cũng nghĩ ra những món độc đáo nhất có thể chống lại cái đói và những thèm khát do cái đói lâu ngày mang lại, chẳng cần biết các bà lang vườn ở nhà có đáp ứng nổi hay không.

Tôi thì nghĩ ngay đến món chè lam mà ngày xưa ở nhà quê mẹ tôi hay làm cho chúng tôi, vì để được rất lâu. Lúc nào vùi vĩnh bà cụ cũng sẵn sàng mở ngăn kéo ra cho vài cục bằng hai ngón tay, ngoài tấm bột gạo nếp trắng tinh. Gọi là chè nhưng thật ra ăn như kẹo, không rần cũng không mềm, vì làm bằng bột nếp, đậu phộng, gừng *tuổi già* nhỏ ngào với mật. Tôi còn nhớ lúc làm, bà cụ tôi đun lửa nhỏ và quậy đều tay bằng đũa cả rất vất vả.

Tôi biết vợ tôi chưa từng làm món này bao giờ, nhưng tôi kê đơn và tả sơ cách làm theo trí nhớ còn sót lại. Có lẽ do cái đói thúc đẩy tiềm thức sống dậy chỉ báo. Gói quà chỉ giới hạn 3 kí lô nên đáp ứng được nhu cầu đa dạng rất khó. Thế mà từ lúc gói thư đi, ba tháng sau được gọi ra nhận quà, khi mở ra cho cán bộ kiểm tra, tôi thấy có một gói chè lam như tôi kê đơn, một gói tốp mỡ ngào đường, một gói thịt chà bông và hai gói bột dinh dưỡng đậu nành. Có anh ở nhà vợ con đã kiệt quệ, chỉ gói được mấy cái bánh mì, đồng thời, vẫn tưởng chồng còn ở đâu quanh quần Sài Gòn, vì địa điểm tập trung nhận quà được thông báo là khám Chí Hòa. Đến khi quà đến tay, sau ba tháng lênh đênh thì đã mốc thối cả. Thế mà ăn vào cũng chẳng sao.

Sau này, khoảng hai năm sau, khi thân nhân được phép ra thăm, tôi có hỏi nhà

tôi về cách làm chè lam, thấy hương vị khá giống hương vị ngày xưa mẹ tôi làm, thì vợ tôi nói phải hỏi một chị bạn lớn hơn nhà tôi cả chục tuổi và nhờ chỉ cách mới làm được. Nhà tôi còn kể, tôi nghiệp đám nhỏ, rất thêm mà không dám xin vì biết là làm để tiếp tế cho bố. Chúng chỉ được vét nội.

Thằng cu Út lớn lên vắng bố, cả nhà cứ bảo bố đi học xa. Mỗi lần sinh nhật hoặc vào dịp Tết, vợ tôi lại mua cho cu cậu một món đồ chơi nho nhỏ, gói ghém cẩn thận, nói là của bố gói về cho. Sau cu cậu vào mẫu giáo đã nghèo nghề viết được mấy câu thăm bố theo các chị. Lúc ấy tôi đã trải qua năm thứ 5 ở ngoài Bắc rồi!

Tôi hỏi vợ tôi khi gói quà có biết tôi đang ở ngoài Bắc không? Nhà tôi kể, khi đưa thư của tôi cho bà chị ruột tôi - chồng là Trung tá Công binh, cũng đi học cải tạo - chị đọc đến câu tôi viết: "Ở trong trại, anh có gặp anh Biều, anh ấy gói lời thăm chị Quang" thì bà chị tôi la lên: "Chết rồi, nó bị đưa ra ngoài Bắc rồi!"

Vợ tôi hỏi tại sao thì bà chị tôi bảo: - Biều là một thanh niên cùng lứa tuổi với bà chị tôi. Ngày xưa gia đình có hỏi cưới chị tôi, mà chị tôi không chịu. Tên Biều này ở nhà quê chớ có đi cải tạo đâu mà nó gặp. Chắc chắn là nó bị đưa ra ngoài Bắc rồi, mà gần chỗ bà cụ mình cũng nên.

Quả nhiên sau này, do vợ tôi liên lạc, thằng em út tôi vào thăm cho biết chỗ tôi đang cải tạo chỉ cách chỗ nó và bà cụ tôi ở có 20 km bên kia sông. Bà cụ tôi sau 1954 ở quê cùng thằng em út tôi (lúc ấy nó 10 tuổi) bị đầu tở, tịch thu tất cả nhà cửa ruộng vườn và đuổi ra sống ngoài cánh đồng trống, không cho ai tiếp xúc. May mà được tá điền thương, ngoài mặt thì chửi rủa đầu tở, ban đêm lại lên lút tiếp tế khoai sắn sống qua ngày. Đến năm 1958 sau vụ sửa sai mới được trả căn nhà và mảnh vườn. Bà cụ tôi bèn bán căn

nhà và mảnh vườn đi, lên chỗ đang ở hiện nay sinh sống, nuôi thằng em tôi thành một nhà giáo làng.

Nhà anh em nào khá lắm, gia đình ra thăm được vài ba lần là kiệt quệ. Sau chủ yếu là trông mong vào những gói quà nho nhỏ như trên sống qua ngày. Gói quà không chỉ chứa những vị thuốc cứu tử hoàn sinh mà còn chứa đầy ấp tình cảm nồng nàn của vợ con.

Vợ con ở nhà nhịn ăn, nhịn mặc, chất bó mọi thứ để dành tiền mua quà cho người đi tù. Chúng tôi cũng biết thế, nhưng vì cái đói thôi thúc, vẫn cứ thẳng tay kê đơn và các bà lang vườn vẫn tìm cách thỏa mãn không nhiều thì ít.

Khi mở các gói quà để kiểm tra, đám cán bộ cũng trợn tròn mắt ngạc nhiên về tình cảm gia đình vợ con chúng tôi gói ghém trong đó. Vì khi ban ân huệ cho tiếp tế thăm nuôi họ đã nói:

- Đây rồi các anh xem, nhà nước khoan hồng một lần nữa, cho các anh được tiếp tế và thăm nuôi, nhưng để xem vợ con các anh có gói đồ tiếp tế hay thăm các anh hay không. Vì ngày xưa các anh toàn dùng địa vị quyền lực, cưỡng ép các chị ấy chứ làm gì có tình nghĩa.

Những gói quà tiếp tế và những lần lặn lội ra thăm nuôi, các bà lang vườn của chúng tôi đã là những bằng chứng thắm lặng, nhưng hùng hồn ngược với cái nhận định ấy.

Năm 1981 tôi và một anh em được đưa về miền Nam, phân tán ở các trại Z 30 A, B, C, D thuộc tỉnh Bình Tuy. Năm 1983 tôi được thả về. Rất bất ngờ trong một buổi sáng ra sân trại tập hợp, xếp hàng đi lao động thì được nghe tên trong danh sách được tha. Tất cả các đồ đạc tôi để lại cho các bạn còn ở lại. Chúng tôi được chuyển vào một trại nhỏ phía trong lao động tự giác, một tuần sau mới chính thức được ra về. Mỗi người xách một cái túi nhỏ, chúng tôi đi bộ đón

(Xem tiếp trang 88)

NHỮNG ĐƠN THUỐC...

(Tiếp theo trang 60)

xe đồ ngoài quốc lộ cách trại khoảng 3 cây số. Kể đi ngược, kể về xuôi. Tôi và mấy anh bạn đón xe về Sài Gòn.

Sau 8 năm sống cách biệt với xã hội bên ngoài, nhìn ánh mắt cảm thông và thái độ niềm nở của đồng bào, tôi muốn òa lên khóc thật to.

Tôi đưa tiền mua vé, chú lơ đẩy trả lại. Tôi thì thảo cảm ơn. Chẳng hỏi mà như ai cũng biết chúng tôi mới được thả ra. Mấy bà khách lên xe còn nói đùa:

- Về đến cổng hãy quan sát thật kỹ, thấy đôi dép râu để ngoài hè là tiêu rồi đấy!

Xe chạy vào thành phố, tôi thấy nhan nhản khẩu hiệu. Nhiều nhất là những câu:

- Không có gì quý hơn độc lập tự do.

- Tất cả cho chủ nghĩa xã hội.

Khẩu hiệu vẽ trên vải giăng ngang đường, vẽ trên tường dọc lối đi. Loa phóng thanh ở từng góc phố vẫn ra rả một luận điệu tuyên truyền muốn thuở? Cái không khí bên ngoài, tôi thấy quen thuộc như trong cái tạo.

Tôi về tới nhà đúng 4 giờ chiều. Thấy ông Nhạc đang lúi húi làm gì ở ngoài sân trước. Tôi nắm tay đâm mạnh vào cánh cổng. Ông quay ra, ngẩn ra một lúc rồi nhận ra tôi. Ông quỳnh quáng như chẳng biết làm gì, rồi mới quay vào nhà kêu to:

- Bố nó về! Bố nó về!

Vợ tôi chắc đang thổi nấu gì trong bếp, luyễn quỳnh chạy ra, tay vẫn còn cầm đôi dĩa. Thấy tôi vợ tôi đứng sững nhìn rồi bỗng òa lên khóc.

Bước vào nhà cái đầu tiên đập vào mắt tôi là con heo đất to tướng để trên nóc tủ kính phòng khách, trước bụng có dán một dòng chữ đỏ trên giấy trắng:

"Tất cả cho Bố Hiến."

Tôi chưa kịp hỏi gì thì vợ tôi đón được ý, chỉ con heo nói:

- Tiền quà cáp thăm nuôi tiếp tế mình mấy năm qua

đều từ con heo này đấy. Em và các con làm đấy! Tất cả tiền mẹ con em dành dụm được đều bỏ heo cả, đến kỳ thăm nuôi là lôi ra mua sắm.

Các con thu nhặt giấy vụn, báo cũ, ve chai bán lấy tiền để dành. Tết nhất có ai lì xì chúng nó cũng bỏ vào hết chẳng tiêu đồng nào. Em lấy đồ của tổ hợp về cho các con làm thêm như sơn quán cờ, đan giỏ mây tre lá, đan nón để các con kiếm thêm tiền bỏ heo. Các con còn nhỏ nhưng rất ý thức, mọi thứ đều tiết kiệm cho bố. Ở trường các thầy cô giáo từ Bắc vào, giảng bài bêu xấu và kết tội nguy quân nguy quyền, chúng về kể hết cho em. Em lại giảng giải cho chúng hiểu và dặn chúng không được nói cho ai biết kể cả bạn bè ở trường. Chúng hiểu cả. Bạn bè cũ của nhà đến chơi, nhiều người cũng bỏ heo ít đồng. Mọi người đều dành hết tình thương cho mình đó!

Một tiếng sau, các con tôi lục tục đi học về. Thắng cu út đã quen mặt bố ở trại miền Nam, nên nay không còn lạ lẫm gì cả. Bữa cơm đầu tiên xum họp cả nhà, vợ tôi cho biết những ân nhân hay đến thường cho tiền vào heo, như cụ Nguyễn hiến Lê, bạn của cả ông thân và ông Nhạc tôi. Cụ Bá Trần tất Đạt một vị lương y vẫn chẩn bệnh, bốc thuốc cho các con tôi. Thời gian ấy các bác sĩ cũng đều đi tù hết. Không có cụ thắng út chúng tôi đã không qua khỏi mấy trận sốt nặng.

Rồi nhiều bạn bè ở Long Xuyên, Bà Rịa nơi tôi làm việc trước kia, biết tôi kẹt lại đi tù cũng thường xuyên lên Sài Gòn thăm gia đình tôi và giúp đỡ như các anh Kim Long, Lăng Chấn. Sau đó, các anh ấy bị đánh tư sản và trắng tay. May mắn, sau này các anh ấy và gia đình đều vượt biên thoát sang Mỹ cả.

Vợ chồng một anh bạn vốn là học trò cụ Lê và được cụ giới thiệu cùng thường đến nhà và cho đám trẻ nhỏ bánh mì. Sau này anh vượt biên qua Úc. Lúc tôi về, anh

vẫn thường gửi quà cho. Những gói quà nhỏ nhỏ, chúng tỏ anh chị và gia đình cũng không khá gì lắm trong cuộc sống ở xứ người, nhưng tình cảm thì đầy ắp.

Ngày nay thì anh chị đã có cuộc sống ung dung vì các con thành tài cả. Anh chị và mấy cháu mới làm một chuyến Mỹ du, có ghé thăm chúng tôi. Gặp ân nhân trên xứ người không còn gì xúc động hơn. Tôi có ghi lại nỗi xúc động ấy qua một bài thơ ngắn, nhan đề Gặp lại cố nhân. Nhờ các ân nhân này, mà vợ con tôi đã vượt được những khó khăn lúc đầu. Đến khi tôi về thì mấy cháu gái đã trở thành các thiếu nữ cao lớn khỏe, toàn là các cầu thủ bóng chuyền giỏi của trường các cháu học. Cháu trai út, lúc tôi đi còn lấm chàm, nay cũng đã trở gò cao gàn bành bỗ.

Cơm nước xong, ông cụ Nhạc tôi đi ngủ sớm. Các con tôi ra sân trước tụ họp với bạn bè trong xóm; vợ chồng tôi lên sân thượng hóng mát. Đêm đó trăng rất sáng, tôi huyền hoặc tưởng mình là nhân vật Trạng Nguyên trong bài thơ của Nguyễn Bính nên thì thào ngâm nhỏ vào tai vợ:

*Đêm nay mới thật là đêm
Ai đem chăn chiếu trải
sân thượng này.*

Vợ tôi biết ý, cười tủm tỉm. Tôi ga:

- Để đáp lại tấm thịnh tình trong tám năm qua, nếu mình muốn, anh xin tặng một chiếc cu Thềm

Vừa nghe thấy thế, vợ tôi đã dấy nẩy lên như nhà chị Dậu trong chuyện Tất Đền của Ngô tất Tố vậy:

- Thôi ạ! Em xin lạy cụ lớn trăm lạy. Xin cụ lớn tha cho em ạ! Cụ lớn đã cho em năm dĩa. Tám năm cụ lớn đi vắng, em đã sống dở chết dở như chúng nó để nuôi năm dĩa như ngày nay. Em không dám nhận ân huệ của cụ lớn cho em thêm dĩa nữa ạ!

Tôi đánh mạnh vào tình me tín của vợ:

- Các cụ bảo thêm người thêm của. Không thêm dĩa nào nữa thì nghèo khốn ra đấy. Đùng có trách ai nhá!

Nhà tôi vẫn chấp tay vái tôi cương quyết:

- Xin cụ lớn cho em hai chữ bình an, để mai em còn đi chạy chợ ạ!

Quả là như thế! Trong khoảng thời gian 1983 đến cuối 1990 là lúc gia đình tôi được qua Mỹ định cư, một mình vợ tôi là người chạy chợ nuôi sống gia đình trong vai bà Tú Vị-Xuyên:

*Quanh năm buồn bán ở
ven sông
Nuôi đủ năm con với một
chồng!*

Tôi thì đóng vai ông Tú, vì với xã hội mới tôi trở nên lỗi thời, lạc lõng với tâm trạng:

*Cái học ngày xưa đã hỏng
rồi
Mười người đi học chín
người thôi.*

Nhưng xét ra còn nào nề hơn ông Tú Vị-Xuyên nhiều, vì sống trên quê hương mình mà thấy như ở hành tinh khác. Ngoài mái ấm gia đình, bạn bè, người quen biết đều vắng bóng.

Cuối năm 1990 tôi và gia đình được sang Mỹ định cư. Các con tôi trong môi trường mới, như những cây được trồng trên đất tốt, chúng đã học hành hăng hái.

Riêng bà Tú nhà tôi cũng là bà lang vườn thì trước sau vẫn thế, vẫn vất vả gánh vác việc nhà, chỉ vì chẳng chịu nghe lời tôi để có thêm thặng cụ Thềm, lúc tôi mới đi tù về. Nay có muốn thì lực đã bắt tông tằm.

Năm nay, nhân ngày sinh nhật của bà lang, tôi đã làm bài thơ tri ân sau đây:

*Đầu cật chung lưng trọn
cánh rồi
Trước sau nhất nhất ven
nhũ lời.*

*Đá vàng đã tỏ cùng trời
đất
Sơn sắt bên gan lọ phải
chơi.*

*Những lúc lên voi cùng
gánh xẻ
Qua làn xuống ngựa vững
lông thôi.*

*Hoa này một bó ta xin
tặng,
Như một tri ân với bạn
đời.*

LÊ THẾ HIỂN